

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2018

BÁO CÁO

Tình hình thời tiết, nguồn nước và công tác thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp vụ Đông Xuân 2017 – 2018 và dự báo nguồn nước cho sản xuất vụ Hè Thu, vụ Mùa 2018,

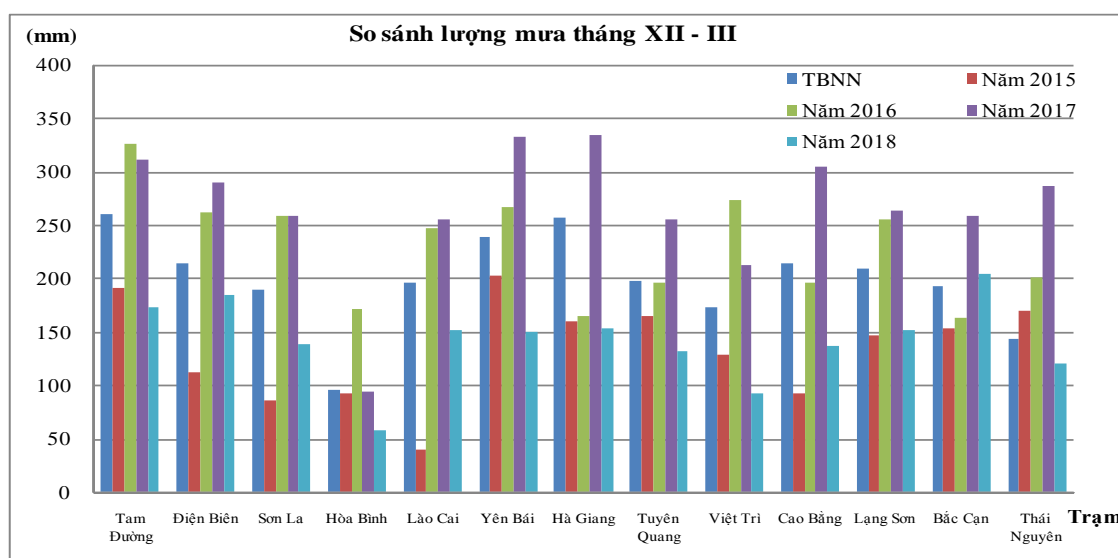
I. TÌNH HÌNH CẤP NƯỚC VỤ ĐÔNG XUÂN 2017 - 2018

1. Khu vực miền núi phía Bắc

a) Tình hình mưa

Vụ Đông Xuân 2017-2018 (tính từ tháng XII/2017 ÷ III/2018) tại khu vực miền núi phía Bắc mưa phân bố không đều. Tổng lượng mưa trong vụ tại khu vực phổ biến từ 60-200mm. Hầu hết các trạm đều có lượng mưa thiếu hụt so với TBNN từ 15-50%, riêng trạm Bắc Cạn có lượng mưa cao hơn so với TBNN là 7%. So với năm 2017 lượng mưa cũng thiếu hụt từ 20-60%.

So sánh lượng mưa một số năm gần đây tại **Hình 1**.



Hình 1. So sánh tổng lượng mưa vụ Đông Xuân 2017-2018 (từ tháng XII/2017 ÷ III/2018) một số trạm vùng núi phía Bắc

b) Nguồn nước trữ trong hệ thống công trình thủy lợi

Vào thời điểm đầu vụ Đông Xuân 2017-2018, tại các tỉnh vùng miền núi phía Bắc dung tích các hồ đều tích đạt trên 90% DTTK, đặc biệt các hồ trên địa bàn tỉnh Điện Biên, Hòa Bình, Yên Bái, Tuyên Quang, Lào Cai đã tích đạt trên 96%

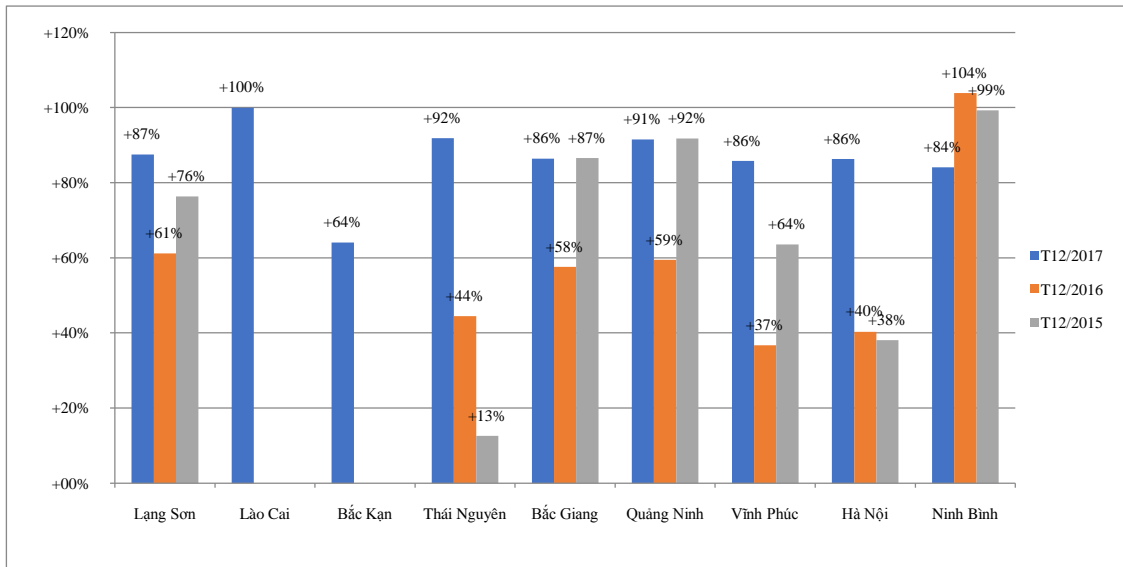
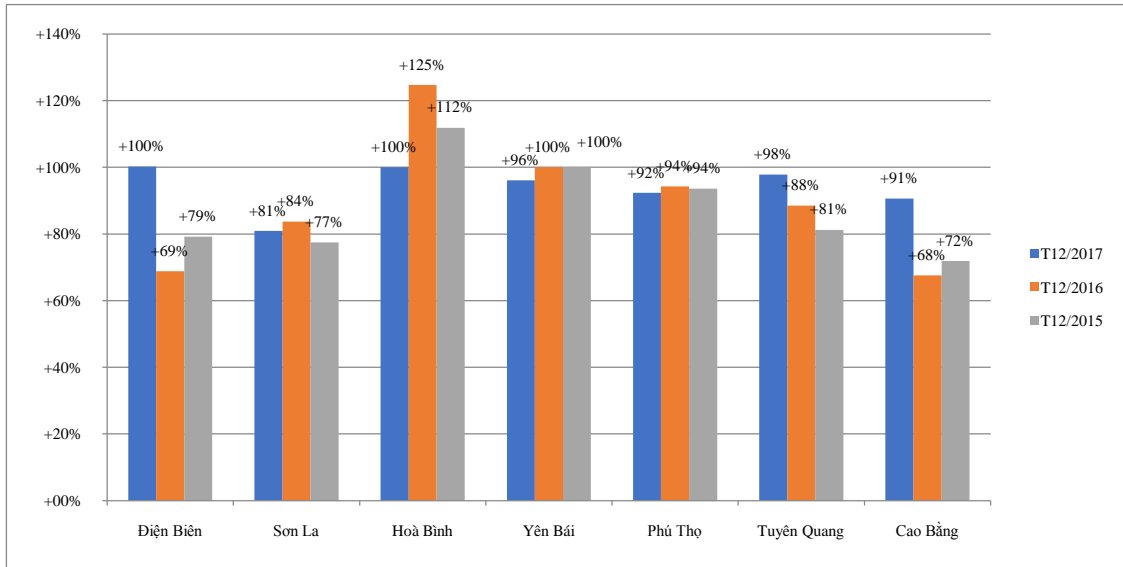
DTTK. So với cùng kỳ các năm 2016 và 2017, các hồ đều có dung tích trữ cao hơn nhiều, đặc biệt tại các tỉnh Điện Biên, Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc (**Bảng 1, Hình 2**).

Bảng 1: So sánh dung tích trữ hồ chứa thời điểm đầu vụ ĐX 2017-2018 và cùng kỳ năm 2016, 2017

TT	Tỉnh/thành phố	Tỷ lệ trữ so với dung tích thiết kế trung bình (%)	2017		2016	
			Tỷ lệ trữ (%)	Chênh lệch so với 2018	Tỷ lệ trữ (%)	Chênh lệch so với 2018
1	Điện Biên	+100,2%	+68,8%	+31,4%	+79,2%	+21,0%
2	Sơn La	+80,9%	+83,7%	-02,8%	+84,5%	-03,7%
3	Hoà Bình	+100,0%	+124,7%	-24,7%	+111,8%	-11,8%
4	Yên Bái	+96,1%	+200,0%	-03,6%	+100,0%	-03,6%
5	Phú Thọ	+92,3%	+94,3%	-02,0%	+93,6%	-01,3%
6	Tuyên Quang	+97,8%	+200,0%	-07,2%	+200,0%	-07,2%
7	Cao Bằng	+90,6%	+67,9%	+22,7%	+77,7%	+12,9%
8	Lạng Sơn	+87,5%	+71,8%	+15,6%	+79,1%	+08,4%
9	Lào Cai	+99,9%	+00,0%	+00,0%	+00,0%	+00,0%
10	Bắc Kạn	+64,0%	+00,0%	+00,0%	+00,0%	+00,0%
11	Thái Nguyên	+91,8%	+57,8%	+04,6%	+69,3%	+05,2%
12	Bắc Giang	+86,4%	+74,4%	+04,0%	+93,3%	-08,8%
13	Quảng Ninh	+91,5%	+70,7%	+20,8%	+97,9%	-06,4%
14	Vĩnh Phúc	+85,8%	+56,1%	+29,7%	+77,4%	+08,3%
15	Hà Nội	+86,3%	+89,8%	+01,8%	+76,5%	+15,0%
16	Ninh Bình	+84,1%	+84,5%	-00,8%	+78,5%	+04,7%
	Trung bình	+95,7%	+89,6%	+06,0%	+87,9%	+02,2%

c) Tình hình hạn hán, thiếu nước

Với điều kiện thời tiết khá thuận lợi trong vụ Đông Xuân năm 2018, trên vùng miền núi Bắc Bộ chưa xảy ra tình trạng hạn hán thiếu nước.



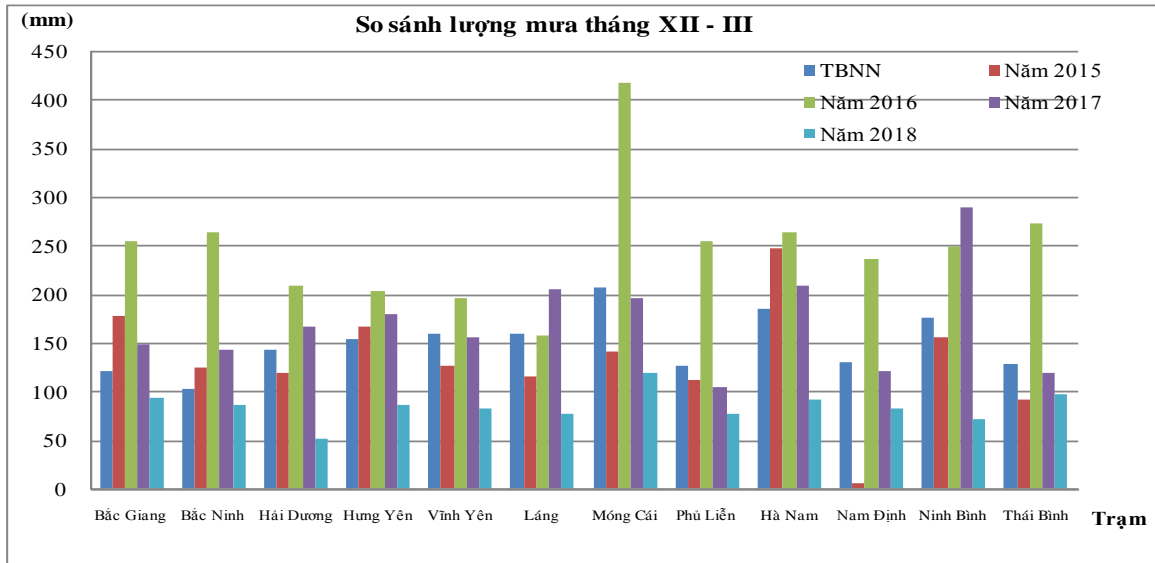
Hình 2. Dung tích trữ các hồ chứa thời điểm đầu vụ Đông Xuân 2017-2018

2. Khu vực Trung du và Đồng bằng Bắc Bộ

a) Tình hình mưa

Vụ Đông Xuân 2017-2018 (tính từ tháng XII/2017 ÷ III/2018) tại khu vực Trung du và Đồng bằng Bắc Bộ mưa tương đối ít. Tổng lượng mưa trong vụ tại khu vực phổ biến dưới 100mm, riêng có trạm Móng Cái của tỉnh Quảng Ninh có lượng mưa đạt gần 120mm. Các trạm đều có lượng mưa thiếu hụt so với TBNN từ 20-60%, trạm Hải Dương có lượng mưa thiếu hụt nhiều nhất so với TBNN là 64%. So với năm 2017 lượng mưa cũng thiếu hụt từ 20-75%.

So sánh lượng mưa một số năm gần đây tại **Hình 3**.



Hình 3. So sánh tổng lượng mưa vụ Đông Xuân 2017-2018 (từ tháng XII/2017 ÷ III/2018) một số trạm Trung du và Đồng bằng Bắc Bộ

b) Tình hình xả nước gia tăng từ các hồ chứa thủy điện phục vụ gieo cấy vụ đông xuân 2018

Để phục vụ gieo cấy vụ Đông Xuân 2018 trên vùng trung du và đồng bằng Bắc Bộ, đã tiến hành 3 đợt xả nước gia tăng từ các hồ chứa thủy điện, với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

Bảng 2: Các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến việc xả nước

TT	Hạng mục	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2017	Chênh lệch
1	Số đợt xả nước	Đợt	3	3	
2	Số ngày xả nước	Ngày	23	21	2
3	Tổng lượng nước xả	Triệu m ³	5.33	4.93	0.396
4	Lưu lượng xả bình quân của 3 hồ	m ³ /s	2560	2771	-211
5	Lưu lượng xả lớn nhất	m ³ /s	3149	3250	299
6	Tỷ lệ % số giờ mực nước Hà Nội >2,2m		26.7	36.5	-19.8

((Ghi chú: Tổng lượng nước xả tính từ 1h ngày 11/1/2018 đến 23h ngày 9/2/2018))

Năm 2017, xả trước các đợt xả tập trung 1 ngày để nâng mực nước Hà Nội lên 2,2m. Năm 2018, số ngày xả trước các đợt xả tập trung khá nhiều, từ 4-5 ngày, nên

số giờ mực nước Hà Nội đạt trên 2,2m ít hơn 19,8% so với năm 2017 mặc dù tổng lượng nước xả nhiều hơn.

Bảng 3: Mực nước bình quân tại các vị trí trong 3 đợt xả

TT	Tên trạm	Mực nước 2018	Mực nước 2017	Mực nước 2016
1	Cẩm Đình	4.48	4.63	4.92
2	Liên Mạc	2.53	2.53	2.78
3	Hà Nội	2.05	2.10	2.24
4	Long Tửu	1.91	2.01	2.15
5	Xuân Quan	1.67	1.77	1.93
6	Bạch Hạc	6.77	7.20	
7	Đại Đình	6.25	6.89	
8	Đan Hoài	2.81	2.76	
9	Tắc Giang	1.55	1.57	
10	Tân Đệ	1.22	1.51	1.95
11	Hạ Miêu	1.26	1.27	1.92
12	Cổng Múc 2	0.84	1.02	

Trong 03 đợt xả cho thấy như sau:

- Trong cả 3 đợt xả, mực nước trung bình tại cống Cẩm Đình, Hà Nội, Liên Mạc, Long Tửu, Xuân Quan đều thấp hơn mực nước thiết kế (Htk); mực nước cao nhất cũng đều thấp hơn Htk; chỉ có đợt I, II tại Xuân Quan và Hà Nội có mực nước cao nhất cao hơn Htk. Mực nước nhỏ nhất tại tất cả các cống và trạm Hà Nội đều thấp hơn Htk trong cả 3 đợt lấy nước.
- Tại Cẩm Đình: Mực nước trung bình ngày của cả 3 đợt đều thấp hơn mực nước thiết kế (Htk = 5,20m) từ 0,66 ÷ 0,76 m, mực nước cao nhất khi các hồ xả nước tập trung đạt 4,50 ÷ 4,62m.
- Tại Liên Mạc: Mực nước trung bình ngày của 3 đợt đo đều thấp hơn mực nước thiết kế (Htk = 3,77m) từ 1,16 ÷ 1,38 m, cao nhất khi các hồ xả nước tập trung trong đợt I, II, III chỉ đạt 2,53 ÷ 2,86m. Mực nước thấp nhất trong các đợt đo biên động từ 2,16 ÷ 2,44m khi hồ ngưng xả.
- Tại Long Tửu: Mực nước trung bình ngày trong 3 đợt đo đều thấp hơn mực nước thiết kế, cao nhất đạt 2,25m trong đợt I, thấp nhất biên động 1,49 ÷ 1,77m khi hồ ngưng xả.

- Trạm bơm Bạch Hạc, Đan Hoài, cống Tân Đê: Mức nước trung bình ngày và mức nước cao nhất trong đợt I đạt cao nhất, sau đó là đợt III và đợt II.
- Tại cống Ngô Đồng: Mức nước trung bình ngày trong 3 đợt đo đạt $0,77 \div 0,95\text{m}$, cao nhất đạt $1,24 \div 2,06\text{m}$ ($2,06\text{m}$ trong đợt II), thấp nhất biên động $-0,01 \div 0,21\text{m}$.
- Tại Cống Múc 2: Mức nước trung bình ngày trong 3 đợt đo đạt $0,77 \div 0,97\text{m}$, cao nhất đạt $1,17 \div 1,90\text{m}$ ($1,90\text{m}$ trong đợt II), thấp nhất biên động $0,03 \div 0,29\text{m}$.

c) Tình hình hạn hán, thiếu nước

Với điều kiện thời tiết khá thuận lợi trong vụ Đông Xuân năm 2018, trên vùng Trung du và đồng bằng Bắc Bộ chưa xảy ra tình trạng hạn hán thiếu nước.

II. DỰ BÁO TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VỤ MÙA 2018

1. Khu vực miền núi Bắc Bộ

a) Tình hình khí tượng, thủy văn

Theo bản tin cập nhật về hiện tượng ENSO ngày 08/03/2018 của Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương đã phát hành: Hiện tại, ENSO tiếp tục được xác định đang ở trạng thái La Nina, chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển khu vực NINO 3.4 thấp hơn so với trung bình nhiều năm (TBNN), đến thời điểm nửa đầu tháng 3/2018 chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển đang là $-0,8^{\circ}\text{C}$, tăng so với thời kỳ cuối tháng 02/2018 là $0,3^{\circ}\text{C}$. Theo các kết quả dự báo mới nhất về hiện tượng ENSO của các cơ quan dự báo khí hậu trên thế giới cho thấy xu hướng tăng dần của nhiệt độ mặt nước biển khu vực NINO3.4. ***Theo đó hiện tượng ENSO được dự báo nhiều khả năng sẽ chuyển sang trạng thái trung tính từ các tháng nửa cuối năm 2018 với xác suất trong khoảng từ 55 ÷ 65%.***

Dự báo lượng mưa trong thời gian tới:

* Khu vực miền núi phía Bắc: Tổng lượng mưa từng tháng từ tháng 5-8/2018 có khả năng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn từ 1-5% so với TBNN. Các tháng 9 và tháng 10/2018 phổ biến ở mức thấp hơn TBNN từ 10-20%. Các tháng 11 và 12 có khả năng thấp hơn so với TBNN. Do lượng mưa trong vụ đông xuân đều thấp hơn so với TBNN nên lượng mưa lũy tích đến cuối vụ mùa cũng sẽ thấp hơn so với TBNN từ 12-20%, đặc biệt vùng núi Tây Bắc sẽ cao hơn so với TBNN từ 10 – 14%. Lượng mưa dự báo trong các tháng vụ mùa năm 2018 như sau:

Bảng 4: Lượng mưa hiện trạng và dự báo so với lượng mưa cùng thời kỳ một số trạm đại diện vùng núi phía Bắc

Trạm đại diện	Mưa hiện trạng và dự báo (mm) (từ tháng 1/2018 đến cuối vụ mùa)	So sánh với cùng kỳ (%)		
		Trung bình nhiều năm	Năm 2016	Năm 2017
Tam Đường	2054	-26.5	-9.6	-35.2
Điện Biên	1370	-17.5	-7.8	-22.9
Sơn La	1202	-12	-18.3	-10
Hòa Bình	1439	-25.3	-1.2	-27.8
Lào Cai	2200	10.1	91	25.7
Yên Bái	2443	13.6	38	3.9
Hà Giang	2074	-20.7	21.3	-25.7
Tuyên Quang	1911	1.5	27	-10.8
Việt Trì	1442	-18.9	-25.8	-28.3
Cao Bằng	1567	-0.9	37.6	-10.8
Lạng Sơn	1152	-14.3	7	-18.3
Bắc Cạn	1705	0	38.4	-12.7
Thái Nguyên	1561	-20.2	2.1	-22.5

b) Dự báo tình hình nguồn nước, kế hoạch sản xuất vụ Mùa 2018

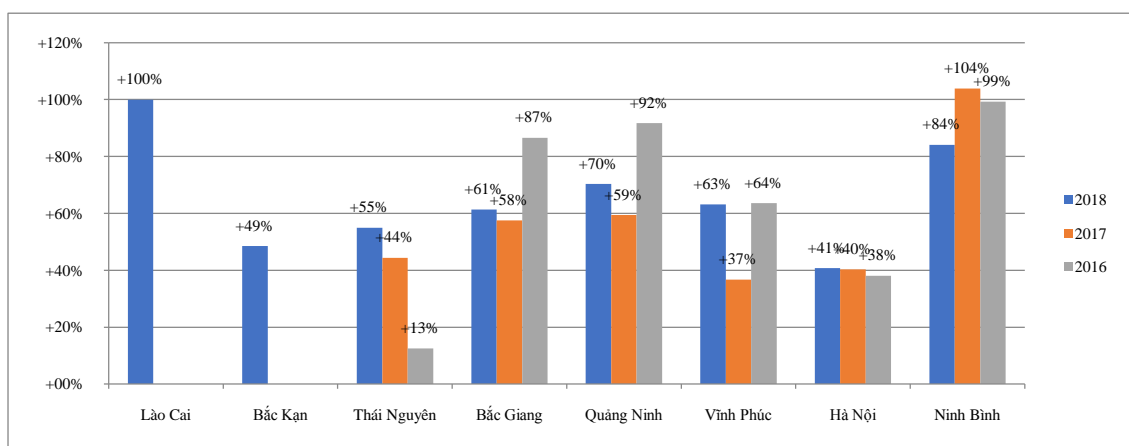
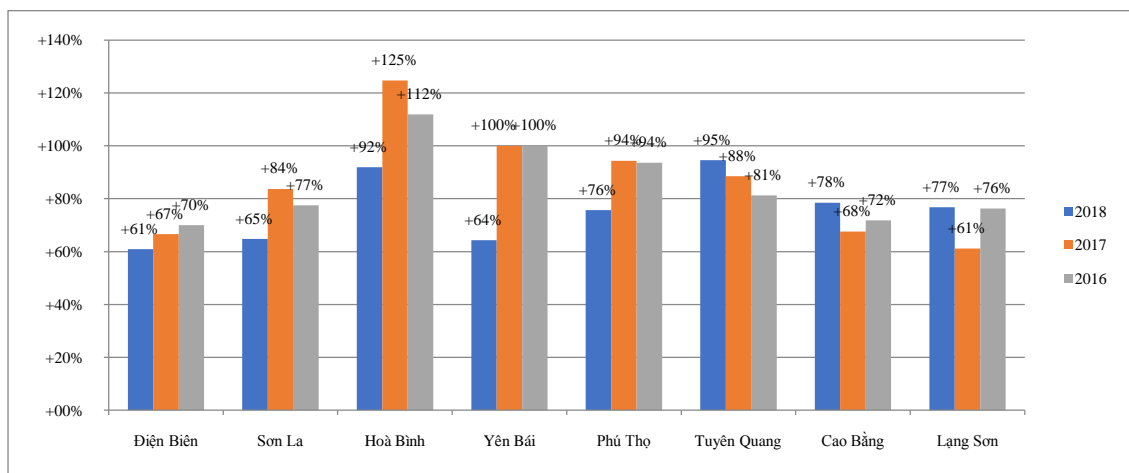
Ở khu vực này, lượng nước cung cấp cho sản xuất nông nghiệp chủ yếu từ các hồ chứa thủy lợi, thủy điện. Hiện tại, dung tích trữ trong các hồ chứa thủy lợi đạt từ 70% DTTK trở lên, tương đương so với cùng kỳ năm 2017. Phần lớn các tỉnh đều có dung tích hiện tại cao hơn so với cùng kỳ các năm 2017 và 2016 trừ các tỉnh Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình, Yên Bái là có dung tích trữ ở thời điểm hiện tại thấp hơn so với năm 2017, 2016 (bảng 5 và hình 5):

Bảng 5: So sánh dung tích trữ hồ chứa tính đến đầu tháng 4/2018 và cùng kỳ năm 2016, 2017 so với thiết kế

TT	Tỉnh/thành phố	Tỷ lệ trữ so với dung tích thiết kế trung bình (%)	W trữ 2017/Wtk	Chênh lệch so với 2018	W trữ 2016/Wtk	Chênh lệch so với 2018
1	Điện Biên	+61.0%	+66.6%	-05.7%	+70.1%	-09.1%
2	Sơn La	+64.8%	+83.7%	-18.9%	+77.4%	-12.7%
3	Hoà Bình	+91.9%	+124.7%	-32.8%	+111.8%	-20.0%
4	Yên Bái	+64.4%	+100.0%	-35.6%	+100.0%	-35.6%
5	Phú Thọ	+75.7%	+94.3%	-18.6%	+93.6%	-17.9%
6	Tuyên Quang	+94.6%	+88.5%	+06.1%	+81.2%	+13.4%
7	Cao Bằng	+78.4%	+67.6%	+10.8%	+71.8%	+06.6%

TT	Tỉnh/thành phố	Tỷ lệ trữ so với dung tích thiết kế trung bình (%)	W trữ 2017/Wtk	Chênh lệch so với 2018	W trữ 2016/Wtk	Chênh lệch so với 2018
8	Lạng Sơn	+76.8%	+61.1%	+15.7%	+76.3%	+00.5%
9	Lào Cai	+99.9%	+00.0%	+99.9%	+00.0%	+99.9%
10	Bắc Kạn	+48.5%	+00.0%	+48.5%	+00.0%	+48.5%
11	Thái Nguyên	+54.9%	+44.4%	+10.5%	+12.6%	+42.4%
12	Bắc Giang	+61.3%	+57.5%	+03.8%	+86.6%	-25.3%
13	Quảng Ninh	+70.3%	+59.4%	+10.9%	+91.7%	-21.4%
14	Vĩnh Phúc	+63.1%	+36.7%	+26.4%	+63.6%	-00.5%
15	Hà Nội	+40.8%	+40.3%	+00.5%	+38.1%	+02.7%
16	Ninh Bình	+84.1%	+103.8%	-19.8%	+99.2%	-15.2%
	Trung bình	+70.7%	+73.5%	-02.8%	+76.7%	-06.1%

Hình 5: So sánh tình hình trữ nước tại các hồ thủy lợi đến tháng 4/2018



2. Khu vực trung du và đồng bằng Bắc Bộ

a) Tình hình khí tượng, thủy văn

Khu vực Trung du và Đồng bằng Bắc Bộ: Tổng lượng mưa từng tháng từ tháng 5-8/2018 có khả năng ở mức xấp xỉ với TBNN. Các tháng 9 và tháng 10/2018 phổ biến ở mức thấp hơn TBNN từ 15-35%. Các tháng 11 và 12 có khả năng xấp xỉ TBNN. Lượng mưa dự báo trong các tháng vụ mùa năm 2018 như sau:

Bảng 6: Lượng mưa hiện trạng và dự báo so với lượng mưa cùng thời kỳ một số trạm đại diện vùng Trung du và Đồng bằng Bắc Bộ

Trạm đại diện	Mưa hiện trạng và dự báo (mm) (từ tháng 1/2018 đến cuối vụ mùa)	So sánh với cùng kỳ (%)		
		Trung bình nhiều năm	Năm 2016	Năm 2017
Bắc Giang	1434	-11,1	-13,5	-16
Bắc Ninh	1188	-30,0	-38,1	-39,6
Hải Dương	1353	-21,1	-22,3	-30,2
Hưng Yên	1787	3,4	2,1	-6,4
Vĩnh Yên	1384	-10,9	-23,9	-13,1
Láng	1478	-14,1	-8,9	-19
Móng Cái	2075	-29,4	-29,8	-39,4
Phủ Liễn	1778	-2,3	-13,6	-9,2
Hà Nam	1652	-19,8	-14	-27,5
Nam Định	1882	-4,8	16,1	-18,2
Ninh Bình	1572	-14,5	-11,1	-18,3
Thái Bình	1478	-13,6	-20,9	-16,6

b) Tình hình nguồn nước

Tính đến đầu tháng 4/2018, lượng nước trữ trong các hồ chứa thủy điện lớn đang tương đối lớn, cụ thể như sau:

Bảng 7: Nguồn nước trữ tại các hồ chứa thủy điện tham gia bổ sung nước cho hạ du tính đến thời điểm đầu tháng 4 năm 2018

Hồ chứa	Dung tích trữ hiện tại (triệu m ³)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)		
		Trung bình nhiều năm	Năm 2016	Năm 2015
Lai Châu	421,57	-12,4%	-04,3%	-12,4%
Bản Chát	1215,6	+60,4%	+21,1%	+60,4%
Nậm Chiến		+00,0%	+00,0%	+00,0%
Sơn La	4906,6	-06,8%	-00,2%	-06,8%
Hoà Bình	4292,19	-04,8%	-08,1%	-04,8%
Thác Bà	765,60		+00,8%	+00,0%
Tuyên Quang	714,07		-35,0%	+00,0%

III. GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM CẤP NƯỚC VỤ MÙA NĂM 2018

Với khu vực miền núi Bắc Bộ, đến đầu tháng 4, lượng nước trữ trong các hồ chứa còn tương đối dồi dào, đảm bảo cấp nước đến cuối vụ Đông Xuân. Theo dự báo, lượng mưa trong mùa mưa năm nay xấp xỉ với trung bình nhiều năm, nên tình hình cấp nước cho vụ mùa năm 2018 có thể tương đối thuận lợi, ít có khả năng xảy ra hạn hán.

Với khu vực trung du và đồng bằng Bắc Bộ, được điều tiết từ các hồ chứa thủy điện lớn nên nguồn nước cấp cho vụ mùa 2018 là đảm bảo.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Tổng cục Thủy lợi báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ và tham gia của quý vị Đại biểu./.

**TỔNG CỤC THỦY
LỢI**